



Original Article

Research Factors Affecting Green Economic Development and Some Policy Implications

Tang Thi Hang*

Hanoi Open University, B101 Nguyen Hien, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam

Received 30 May 2024

Revised 16 September 2024; Accepted 20 September 2024

Abstract: Vietnam is one of the countries heavily affected by climate change and rising sea levels. According to the World Bank, it is estimated that climate change will reduce Vietnam's GDP by 3.5% by 2050. Therefore, developing a green economy is the most effective and fastest way to adapt and minimize the impact of climate change. The goal of the research is to evaluate the impact of environmental factors on Vietnam's green economic development. Through a survey of 215 samples from different subjects such as managers, businesses, residential communities, etc., the study pointed out 5 main influencing factors, including: government's regulatory policies, engineering technology, environmental resources, human resources, and residential community. The research results provide a premise for suggesting a number of policy implications for the government as well as relevant ministries and branches in the process of completing the policy framework to develop a green economy for Vietnam in the coming time.

Keywords: Influencing factors, green economy, green economic development.

* Corresponding author.

E-mail address: tanghang.kt@hou.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4493>

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế xanh và một số hàm ý về chính sách

Tăng Thị Hằng*

Trường Đại học Mở Hà Nội, B101 Nguyễn Hiền, Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 30 tháng 5 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 9 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 9 năm 2024

Tóm tắt: Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank) ước tính biến đổi khí hậu sẽ làm giảm 3,5% GDP của Việt Nam vào năm 2050. Chính vì vậy, phát triển kinh tế xanh là con đường hiệu quả và nhanh nhất để thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố thuộc môi trường đến phát triển kinh tế xanh của Việt Nam. Thông qua khảo sát 215 mẫu thuộc các nhiều đối tượng khác nhau như Nhà quản lý, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư,... nghiên cứu chỉ ra 5 nhân tố ảnh hưởng chủ yếu, bao gồm: Chính sách quy định của Nhà nước, Công nghệ kỹ thuật, Tài nguyên môi trường, Nhân lực, cộng đồng dân cư. Kết quả nghiên cứu là tiền đề cho việc gợi mở một số hàm ý về chính sách cho Nhà nước cũng như các Bộ ban ngành có liên quan trong quá trình hoàn thiện khung chính sách nhằm phát triển kinh tế xanh cho Việt Nam thời gian tới.

Từ khóa: Nhân tố ảnh hưởng, kinh tế xanh, phát triển kinh tế xanh.

1. Giới thiệu

Việt Nam hướng tới mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu đã ngày càng gia tăng áp lực đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Do đó, phát triển kinh tế xanh là một xu thế tất yếu, vừa đảm bảo mục tiêu hiện đại hóa nền kinh tế, tạo việc làm, chống đói nghèo, vừa phát triển bền vững về môi trường và tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. Những năm gần đây, Chính phủ đã chú trọng về nền “kinh tế xanh”, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển theo xu hướng này, hướng tiếp cận mới trong việc phát triển nền kinh tế quốc gia theo chiều sâu và bền vững. Chiến

lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 được Chính phủ ban hành thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong thực hiện phát triển bền vững, thông qua các hành động thiết thực, cụ thể. Tại hội nghị Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu năm 2021 (COP26), Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã nêu cam kết của Việt Nam trong việc “sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ hơn nữa bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng ‘0’ vào năm 2050”.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế phải đi đôi với việc bảo vệ môi

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tanghang.kt@hou.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4493>

trường, nhóm tác giả chúng tôi chọn đề tài “Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam”, với mục tiêu đánh giá mức tác động của từng nhân tố từ đó gợi mở một số hàm ý về chính sách cho Nhà nước cũng như các Bộ ban ngành có liên quan nhằm phát triển kinh tế xanh cho Việt Nam thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Wei Fang, Zhen Liu, Ahmad Romadhoni Surya Putra, (2022) “Vai trò của nghiên cứu và phát triển trong tăng trưởng kinh tế xanh thông qua phát triển năng lượng tái tạo: Bằng chứng thực nghiệm từ Nam Á” [1]. Nghiên cứu tập trung xem xét tác động của R&D và công nghiệp hóa đối với tăng trưởng kinh tế xanh.

Wang Yue, Huang Xingzhu, Wang Lin, (2011) “Nghiên cứu phát triển kinh tế xanh tại các thủ đô ở Sơn Đông” [2]. Nghiên cứu này nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và làm thế nào để thực hiện nền kinh tế xanh của các thành phố thủ đô ở Sơn Đông của Trung Quốc.

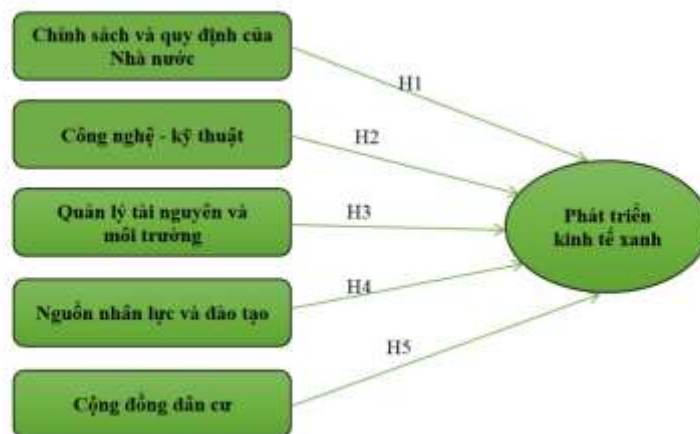
L. Mundaca, B. Damen, (2015) “Đánh giá hiệu quả kích thích kinh tế xanh tại Hàn Quốc: Bằng chứng từ ngành năng lượng” [3]. Nghiên

cứ này nhằm mục đích là đánh giá hậu kỳ về hiệu quả của kinh tế xanh của Hàn Quốc như một công cụ để mang lại cả sự phục hồi kinh tế và cải thiện hiệu suất môi trường.

CA Zúniga-Gonzalez, P. Toruño, (2015) “Tác động của kinh tế xanh đối với hệ thống rừng, tập trung vào sản xuất chăn nuôi ở Trung Mỹ và Ca-ri-bê” [4]. Nghiên cứu tập trung vào việc đo lường mức năng suất các – bon sinh khối ở các nước Trung Mỹ.

Bilgaev cùng với các cộng sự (2021). “Yếu tố kinh tế - xã hội tác động đến Cộng hòa Buryatia và chuyển đổi phát triển kinh tế xanh” [5]. Nghiên cứu này nhằm đánh giá toàn diện tác động của yếu tố kinh tế - xã hội đối với quá trình chuyển đổi của Cộng hòa Buryatia sang phát triển kinh tế xanh.

Hồ Thúy Ngọc, Tú Anh (2016), Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam và sự tham gia của DN [6]. Trong nghiên cứu này, các tác giả giả định rằng tăng trưởng ban đầu trong quá trình xanh hóa nền kinh tế chủ yếu được thúc đẩy bởi các doanh nghiệp. Theo nhóm nghiên cứu thì xanh hóa nền kinh tế có thể bắt đầu từ đổi mới công nghệ và còn có giả thuyết về sự đổi, về lao động cũng như sự hỗ trợ từ bên ngoài. Theo đó, bài viết được thiết kế để kiểm tra các giả thuyết đồng thời giải quyết những trở ngại đối với sự đóng góp của doanh nghiệp vào phát triển nền kinh tế xanh ở Việt Nam.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Thông qua lược khảo một số nghiên cứu trong nước và quốc tế trên đây có thể thấy phát triển kinh tế xanh đóng vai trò quan trọng đối với bất kỳ nền kinh tế nào. Đối với Việt Nam hiện nay thì phát triển kinh tế xanh còn cần thiết hơn bao giờ hết khi đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường ở mức độ khá cao.

Nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế ban đêm của thành phố Hà Nội gồm 5 biến độc lập: Chính sách quy định của Nhà nước, Công nghệ kỹ thuật, Tài nguyên môi trường, Nhân lực, Cộng đồng dân cư như Hình 1.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Tháng 12/2023, tác giả đã gửi bảng câu hỏi thiết kế sẵn đến các Nhà quản lý, chuyên gia kinh tế, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư,... để tìm hiểu thông tin phục vụ cho nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu gửi đi 254 phiếu, trong đó 215 phiếu hợp lệ và 39 phiếu không hợp lệ.

Trong phiếu điều tra nghiên cứu định hướng 6 vấn đề lớn với 27 tiêu chí tìm hiểu các thông tin về các nhân tố tác động đến sự phát triển kinh tế xanh của Việt Nam và 6 tiêu chí tìm hiểu về thông tin về các nhân tố.

Số liệu khảo sát sau khi thu thập, và làm sạch nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để mã hóa, nhập số liệu, sau đó thực hiện thống kê mô tả và sử dụng mô hình EFA để kiểm định độ tin cậy cũng như đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến phát triển kinh tế xanh của Việt Nam.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với định lượng. Trong nghiên cứu định tính, nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn chuyên gia, thảo luận nhóm để xây dựng thang đo, thiết kế bảng câu hỏi khảo sát với 27 biến quan sát.

Về nghiên cứu định lượng, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu với kích thước mẫu là 215, phương pháp chọn mẫu phi xác suất. Thời gian khảo sát được thực hiện từ ngày 01/12-30/12/2023 (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kiểm định độ tin cậy

Sau khi thực hiện kiểm định kết quả ở bảng 1 cho thấy, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng $> 0,3$. Đồng thời, hệ số Cronbach's Alpha của thang đo đều $> 0,6$.

Bảng 1. Kiểm định độ tin cậy

Stt	Nhân tố	Số lượng biến quan sát trước kiểm định	Số lượng biến quan sát sau kiểm định	Hệ số Cronbach's Alpha	Biến quan sát loại bỏ
1	Chính sách quy định của Nhà nước	5	5	,825	
2	Công nghệ kỹ thuật	5	5	,807	
3	Tài nguyên môi trường	5	5	,815	
4	Trình độ nhân lực	6	6	,885	
5	Cộng đồng dân cư	6	6	,886	
6	Phát triển kinh tế xanh	6	6	,813	

Nguồn: phân tích từ số liệu khảo sát.

Như vậy, thang đo các yếu tố ảnh hưởng và biến phụ thuộc phát triển kinh tế xanh đều đảm bảo độ tin cậy. Các biến qua sát của các thang đo này sẽ được tiếp tục đưa vào thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA).

3.2. Phân tích EFA

Kết quả kiểm định KMO đối với các biến độc lập cho thấy, hệ số KMO là $0,678 > 0,5$, cho thấy phân tích nhân tố là phù hợp. Đồng thời, giá trị Sig. $< 0,05$ chứng tỏ các biến quan sát có tương

quan với nhau trong tổng thể. Giá trị tổng phương sai trích là 50,494% > 50%, điều này chứng minh 50,494% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 5 yếu tố thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả phân tích EFA cho biến độc lập

Rotated Component Matrix ^a					
	Component				
	1	2	3	4	5
NL2	,778				
NL4	,753				
NL3	,746				
NL5	,744				
NL1	,740				
NL6	,680				
DC4		,857			
DC5		,828			
DC3		,805			
DC2		,799			
DC1		,784			
DC6		,685			
CSQĐ3			,770		
CSQĐ4			,748		
CSQĐ1			,715		
CSQĐ2			,707		
CSQĐ5			,639		
CNKT4				,796	
CNKT2				,776	
CNKT5				,773	
CNKT3				,722	
CNKT1				,539	
TNMT3					,731
TNMT2					,729
TNMT4					,632
TNMT5					,607
TNMT1					,565
KMO					,881
Sig.					,000
Phương sai trích					62,27%
Eigenvalues					1,141
Extraction Method: Principal Component Analysis.					
Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.					
a. Rotation converged in 5 iterations.					

Nguồn: phân tích từ số liệu khảo sát.

Bảng 3. Kết quả kiểm định EFA cho biến phụ thuộc

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,846
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	358,524
	df	15
	Sig.	,000

Kiểm định tính thích hợp và tương quan của mô hình phân tích đối với biến phụ thuộc.

Thước đo KMO: thước đo KMO có giá trị là 0.846 thỏa mãn điều kiện $0,5 \leq KMO \leq 1$ nên phân tích nhân tố phù hợp với dữ liệu thực tế.

Giá trị sig: kết quả kiểm định cũng cho thấy Bartlett's Test có giá trị là $0,000 < 0,05$ nên các biến quan sát có tương quan với nhau trong nhóm nhân tố quan sát.

Bảng 4. Kết quả trị số Eigenvalue và tổng phương sai trích đối với biến phụ thuộc

Component	Total Variance Explained					
	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	3,107	51,777	51,777	3,107	51,777	51,777
2	,722	12,034	63,811			
3	,676	11,263	75,074			
4	,584	9,740	84,814			
5	,485	8,088	92,902			
6	,426	7,098	100,000			

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Phương sai trích: bảng tổng hợp trên cho thấy tổng phương sai trích có giá trị 51,777% > 50% đáp ứng tiêu chuẩn. Giá trị phương sai trích của biến phụ thuộc thể hiện 51,777% thay đổi của nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát phụ thuộc.

Giá trị hệ số Eigenvalues: là 3,107 > 1 vì vậy nhân tố rút ra này có ý nghĩa tóm tắt thông tin tốt.

Đánh giá: mức độ giải thích của các biến quan sát đối với nhân tố đạt yêu cầu.

Kết luận chung: qua phần phân tích nhân tố khám phá EFA, với các biến độc lập không bị loại bỏ biến quan sát nào, hội tụ thành 5 nhân tố chính và các giá trị của biến phụ thuộc cũng đạt yêu cầu.

3.2. Phân tích hồi quy đa biến

Sau khi tiến hành phân tích dữ liệu thu thập được thông qua các bước phân tích độ tin cậy thang đo và phân tích nhân tố khám phá, mô hình nghiên cứu được điều chỉnh gồm 5 biến độc lập để đo lường biến phụ thuộc là phát triển kinh tế xanh.

Nhân tố H1: chính sách quy định của nhà nước = ——— ++

Nhân tố H2: công nghệ kỹ thuật = ——— ++

Nhân tố H3: tài nguyên môi trường = ——— ++

Nhân tố H4: nhân lực = ——— ++

Nhân tố H5: cộng đồng dân cư = ——— ++

Nhân tố phụ thuộc:

Y = phát triển kinh tế xanh = ——— Đ+Đ

Các giả thuyết nghiên cứu được kiểm định như sau:

H1: Chính sách quy định của Nhà nước có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xanh.

H2: Công nghệ kỹ thuật có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xanh.

H3: Tài nguyên môi trường có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xanh.

H4: nhân lực có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xanh.

H5: cộng đồng dân cư có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xanh.

Bảng 5. Kết quả kiểm định mức độ giải thích của mô hình

Model Summary ^b					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	,832 ^a	,692	,684	,16568	1,748

a. Predictors: (Constant), X1, X2, X3, X4, X5
 b. Dependent Variable: Y

Hệ số R^2 điều chỉnh là 0,684 có ý nghĩa 68,4% tác động của các biến đưa và quan sát để đánh giá phát triển kinh tế xanh được giải thích bởi 5 biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy ảnh hưởng 68,6% sự biến thiên của biến phụ thuộc kinh tế xanh còn lại 31,6% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Điều này cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính này phù hợp với tập dữ liệu của mẫu ở mức 68,4%, tức là các biến

độc lập giải thích được 68,4% sự biến thiên của biến phụ thuộc kinh tế xanh

Kiểm định tương quan chuỗi bậc nhất (Durbin Watson): Hệ số Durbin Watson 1,758 nằm trong khoảng 1,5 đến 2,5 nên kết quả không vi phạm giả định sự tương quan chuỗi bậc nhất (Yahua Qiao, 2011).

Đánh giá: như vậy mô hình hồi quy đa biến thỏa mãn các điều kiện đánh giá và kiểm định độ phù hợp của các kết quả nghiên cứu.

Bảng 5. Kết quả kiểm định mức độ phù hợp của mô hình – Phân tích phương sai ANOVA^a

ANOVA ^a						
	Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	11,117	5	2,223	80,991	,000 ^b
	Residual	4,941	209	,027		
	Total	16,058	214			

a. Dependent Variable: Y
b. Predictors: (Constant), X1, X2, X3, X4, X5

Giá trị sig < 0,05, F = 80,991. Kết quả này chứng tỏ R bình phương của tổng thể khác 0

và đồng nghĩa với việc mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng là phù hợp với tổng thể.

Bảng 6. Kết quả kiểm định mức ý nghĩa thống kê và hiện tượng đa cộng tuyến của mô hình

Coefficients ^a								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	,643	,166		3,871	,000		
	X1	,147	,016	,389	8,999	,000	,915	1,093
	X2	,163	,018	,383	8,987	,000	,943	1,060
	X3	,099	,016	,252	6,055	,000	,990	1,011
	X4	,217	,025	,374	8,821	,000	,952	1,050
	X5	,178	,023	,321	7,699	,000	,978	1,022

Dependent Variable: Y

Giá trị kiểm định của 5 biến độc lập có mức ý nghĩa sig < 0,05 nên các biến độc lập có ý nghĩa thống kê, tác động lên biến phụ thuộc Y.

Các giá trị VIF < 10 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình.

Đánh giá ý nghĩa của hệ số hồi quy qua giá trị sig kiểm định t, nhận thấy giá trị kiểm định của 5 biến độc lập có mức ý nghĩa sig < 0,05 nên các biến độc lập có ý nghĩa thống kê, đều tác động lên biến phụ thuộc phát triển kinh tế xanh.

Kết luận: 5 biến độc lập tương quan, có ý nghĩa với biến phụ thuộc Y và không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Hệ số hồi quy và phương trình hồi quy chuẩn hóa

Các biến độc lập đều có hệ số hồi quy chuẩn hóa mang dấu dương, như vậy các biến độc lập có tác động thuận chiều lên biến phụ thuộc.

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy có mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập, được thể hiện trong phương trình hồi quy sau:

Bảng 7. Kết quả hồi quy chuẩn hóa

STT	BIẾN	STANDA RB.BETA	%	THỨ TỰ TÁC ĐỘNG
1	CHÍNH SÁCH QUYẾT ĐỊNH	,389	22,62	1
2	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT	,383	22,28	2
3	TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	,252	14,65	5
4	NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO	,374	21,75	3
5	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	,321	18,67	4
		1,719		

Phương trình hồi quy chuẩn hóa:

$$Y (KTX) = 0,643 + 0,389X1 + 0,383X2 + 0,374X4 + 0,321X5 + 0,252X3 + 0,166$$

Như vậy, nếu biến liên quan đến chính sách tăng 1 đơn vị trong điều kiện các biến còn lại không có sự thay đổi, thì biến KTX tăng 0,389 đơn vị. Tương tự lần lượt các biến công nghệ kỹ thuật, tài nguyên môi trường, nhân lực, cộng đồng dân cư tăng 1 đơn vị trong điều kiện các biến còn lại không có sự thay đổi, thì biến KTX lần lượt tăng 0,383; 0,374; 0,321; 0,252 đơn vị.

4. Kết luận và hàm ý về chính sách

4.1. Kết luận

Kết quả phân tích hồi quy chứng minh các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 đã được chấp nhận phân tích và kiểm định phù hợp. Theo phương trình hồi quy thì “Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam” có quan hệ tuyến tính với các nhân tố ảnh hưởng được đưa vào mô hình nghiên cứu.

Dựa trên độ lớn của các hệ số hồi quy chuẩn hóa của các biến độc lập thì biến H1 hay yếu tố thuộc về chính sách của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến phát triển kinh tế xanh, tiếp theo là biến H2 hay các đặc điểm về công nghệ kỹ thuật có mức độ ảnh hưởng đứng thứ 2, tiếp theo nữa là các nhân tố thuộc về nhân lực, cộng đồng dân cư và môi trường.

4.2. Hàm ý chính sách

Trên cơ sở phân tích kết quả nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đưa ra được một số gợi ý hàm ý về chính sách cho Nhà nước và các Bộ ban ngành có liên quan như sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần ban hành bổ sung luật mới bảo vệ môi trường đảm bảo liên kết giữa phát triển với bảo vệ môi trường,... Bên cạnh đó, công tác quản lý thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xanh ở các ngành, vùng và địa phương trên cả nước cần có sự liên kết và thống nhất với nhau. Quản lý tài nguyên và môi trường trong phát triển kinh tế xanh được thực hiện thông qua các cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường của nhà nước, các tổ chức nghiên cứu và triển khai công nghệ và quản lý môi trường, cũng như sự hợp tác và tư vấn từ các chuyên gia và tổ chức trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, thực trạng việc sử dụng hiệu quả tài nguyên còn thấp, việc quản lý và bảo vệ tài nguyên chưa chặt chẽ dẫn đến việc tài nguyên bị suy thoái. Điều này gây ảnh hưởng lớn đến việc phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam.

Thứ hai, Việt Nam cần nhanh chóng hoàn thiện văn bản pháp luật về tăng trưởng xanh cũng như vấn đề phát triển nền kinh tế xanh, đặc biệt chú trọng cải thiện tính hiệu quả trong việc thực thi chủ trương và chính sách về phát triển kinh tế xanh. Chính phủ Việt Nam có thể tham khảo Luật khung về tăng trưởng xanh của Chính phủ Hàn Quốc. Việc ban hành và thực thi văn bản luật liên quan có ý nghĩa rất lớn đến quá trình thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam, đảm bảo việc phát triển kinh tế xanh luôn đi cùng với một môi trường xanh và phát triển bền vững.

Thứ ba, Chính phủ và Nhà nước cần thực hiện nhiều hơn việc tuyên truyền, giáo dục phổ biến rộng rãi kiến thức về kinh tế xanh tới viện nghiên cứu và trường đại học tới, chủ thể kinh tế, doanh nghiệp và người dân để từng bước thay đổi thói quen sản xuất, tiêu dùng và sinh hoạt

xanh để từ đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và tài nguyên sẵn có.

Thứ tư, Chính phủ và Nhà nước cần thiết lập các khung chính sách hỗ trợ và khuôn khổ pháp lý phù hợp cho phát triển Kinh tế xanh. Các khung chính sách bao gồm các biện pháp tài chính và cải cách chính sách quốc gia, hợp tác quốc tế thông qua thương mại, viện trợ, phát triển thị trường. Nhà nước cần tăng cường khuyến khích, ưu đãi về cơ chế tài chính, tiếp cận các nguồn lực xanh và chế tài chính xanh rõ ràng, minh bạch. Có công cụ chính sách kinh tế khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp lớn tích cực đầu tư, phát triển công nghiệp tái chế, năng lượng tái tạo, thúc đẩy sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng nhiên liệu xanh sạch, đi đôi xác định lộ trình thay thế các nhiên liệu hóa thạch.

Thứ năm, Sớm tìm ra giải pháp cho bài toán thuế carbon trong xu hướng phát triển kinh tế xanh. Tại Việt Nam, thuế carbon là một thuật ngữ khá mới mẻ, đây là một công cụ quan trọng của nền kinh tế tuần hoàn. Việc đánh thuế carbon là giải pháp hiệu quả để giảm lượng phát thải khí CO₂ ở nhiều quốc gia. Cùng với đó, việc thu thuế carbon góp phần gia tăng thêm nguồn thu ngân sách nhà nước. Vì vậy Chính phủ có thể cân nhắc việc đưa ra mức thuế phù hợp và sử dụng nguồn thu này để đầu tư trở lại cho việc bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng xanh và phát thải thấp.

Thứ sáu, Cải tiến chương trình giáo dục và đào tạo ở bậc nghề và đào tạo đại học. Chính phủ có thể bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục và đào tạo nghề, kỹ năng chuyên môn theo nhu cầu chuyển đổi xanh. Nhà nước có thể đầu tư vào các chương trình giáo dục và đào tạo liên quan đến năng lượng tái tạo, quản lý tài nguyên thiên nhiên, và công nghệ xanh. Bằng cách, cách hợp tác với các trường đại học, trường cao đẳng và tổ chức giáo dục khác để phát triển các chương trình học chuyên ngành về năng lượng tái tạo, quản lý môi trường và các lĩnh vực liên quan. Điều này sẽ giúp đào tạo ra các chuyên gia có kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế xanh.

4.3. Kết luận

Phát triển kinh tế đặt ra thách thức lớn cho các quốc gia trong việc hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống, đáp ứng được nhu cầu xã hội và đảm bảo một môi trường bền vững. Việc phát triển một nền kinh tế xanh với những khu công nghiệp xanh ít khói bụi, sử dụng các nguồn năng lượng mới thân thiện với môi trường, những vành đai xanh, những khu du lịch sinh thái quy mô nhằm thiết lập lại hệ sinh thái cân bằng đang là xu hướng phát triển chung của tất cả các quốc gia trên thế giới. Phát triển kinh tế xanh với Việt Nam là yêu cầu tất yếu nhằm khắc phục hạn chế của mô hình kinh tế truyền thống, tuy nhiên phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam hiện nay mới đang trong giai đoạn đầu. Để đạt được kết quả như mong muốn trong quá trình phát triển bền vững cần sự chung tay phối hợp của nhiều chủ thể trên thị trường và sự dẫn dắt của Chính phủ thông qua các công cụ về chính sách. Bài viết tiếp cận từ các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam và đưa ra một số hàm ý về chính sách giúp Nhà nước, Chính phủ, và các Bộ ban ngành liên quan có cái nhìn tổng quan hơn trong việc điều chỉnh, ban hành mới các chính sách để phát triển một nền kinh tế xanh, bền vững trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] W. Fang, Z. Liu, Ahmad Romadhoni Surya Putra, Role of Research and Development in Green Economic Growth Through Renewable Energy Development: Empirical evidence from South Asia; Elsevier, Renewable Energy, Vol. 194, 2022, pp. 1142-1152, <https://doi.org/10.1016/j.renene.2022.04.125>.
- [2] W. Yue, H. Xingzhu, W. Lin, Development Research of Green Economic in Capital Cities in Shandong; Elsevier, Energy Procedia, Vol. 5, 2011, pp. 130-134, <https://doi.org/10.1016/j.egypro.2011.03.024>.
- [3] L. Mundaca, B. Damen, Assessing the Effectiveness of the Green Economic Stimulus in South Korea: Evidence from the Energy Sector, Paper Presented at the 38th International Association for Energy Economics (IAEE) International Conference, Antalya, Turkey, 2015,

- pp. 25-27,
<https://lucris.lub.lu.se/ws/files/5761857/8832015.pdf>
(accessed on: April 6th, 2024).
- [4] C. Z. Gonzalez, P. Toruño, Green Economic on the Forest System Impact with Emphasis on the Central America and the Caribbean Livestock Production, Universitas (León), Vol. 6, No. 1, 2015, pp. 49-64,
https://www.researchgate.net/publication/291972036_Green_Economic_on_the_Forest_System_Impact_with_Emphasis_on_the_Central_America_and_the_Caribbean_Livestock_Production
(accessed on: April 6th, 2024).
- [5] Bilgaev et al., Socio-Economic Factor Impact on the Republic of Buryatia (Russia) Green Economic Development Transition, Int J Environ Res Public Health, Vol. 18, No. 20, 2021, pp. 10984,
<https://doi.org/10.3390/ijerph182010984>,
https://www.researchgate.net/publication/355449110_SocioEconomic_Factor_Impact_on_the_Republic_of_Buryatia_Russia_Green_Economic_Development_Transition, (accessed on: April 4th, 2024).
- [6] H. T. Ngoc, T. Anh, Green Economic Development In Vietnam And Business Participation, Low Carbon Economy Vol. 7, No. 1, 2016, pp. 36-46.
<https://doi.org/10.4236/lce.2016.71004>,
https://www.researchgate.net/publication/298735686_Green_Economy_Development_in_Vietnam_and_the_Involvement_of_Enterprises, (accessed on: February 15th, 2024).